

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/LĐPT

Ngày: 26- 12- 2024

V/v tranh chấp: “Về xử lý kỷ
luật lao động theo hình thức
sa thải”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thanh Bình;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLPT-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 496/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (có mặt);

HKTT: Số 863 Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số B Chung cư V N, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

Ngân hàng TMCP Q1.

Trụ sở: Số B L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H –chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện uỷ quyền: Ông Tạ Kiều H1 – chức vụ: Tổng giám đốc.

Uỷ quyền lại:

1. Ông Nguyễn Đình L - chức vụ: Cán bộ Phòng tư vấn pháp luật (có mặt) ;

Địa chỉ: Số B L, phường L, quận H, Hà Nội.

2. Bà Mao Thị Bích T1 – chức vụ: Trưởng bộ phận đối tác nhân sự - Khối quản trị nguồn nhân lực (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Kim N – chức vụ: Cán bộ Phòng tư vấn pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: Tầng B - Tòa nhà A, Số A N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền ngày 28/6/2024)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Tháng 9/2017, anh được nhận vào làm tại Ngân hàng TMCP Q1 (gọi tắt là N2) với chức danh Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh T8. Qua quá trình công tác tốt, anh được bổ nhiệm Giám đốc Vùng Khách hàng cá nhân Đồng bằng sông C1 (viết tắt là KHCN ĐBSCL) kiêm Giám đốc Chi nhánh T8 vào tháng 8/2020 và tiếp tục là Giám đốc Vùng KHCN ĐBSCL, Vùng Tây Nam B kiêm Giám đốc Chi nhánh T8 vào năm 2021 (gồm 26 địa điểm kinh doanh). Trước khi bị sa thải, anh có chức danh Giám đốc Chi nhánh T8.

Khi làm Giám đốc Vùng KHCN ĐBSCL, Giám đốc Vùng Tây Nam B kiêm Giám đốc Chi nhánh T8 (địa điểm ngồi làm việc là Chi nhánh T8), anh phụ trách mảng khách hàng cá nhân tại các tỉnh Vũng Tàu, Đồng Nai, B, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Nội dung quản lý là toàn bộ hoạt động của khách hàng cá nhân tại các đơn vị trên.

Ngày 10/4/2023, anh nhận được thông báo hợp xử lý kỷ luật và ngày 14/4/2023, anh nhận được hình thức kỷ luật sa thải của Ngân hàng TMCP Q1. Căn cứ xử lý kỷ luật là “Vi phạm mục 1.4 khoản 1 Điều 39 Nội quy lao động NCB ban hành ngày 22/03/2022 — có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và lợi ích của N2”. Anh không đồng ý với quyết định trên của N2, bởi lẽ:

- Việc kỷ luật căn cứ vào việc anh phê duyệt 05 hồ sơ vay của khách hàng cá nhân dẫn đến hiện nay 05 khoản vay đó nợ quá hạn là không thoả đáng. Vì khi duyệt 05 hồ sơ đó, anh đã làm hết trách nhiệm của một người phê duyệt khoản vay khi xem xét các thông tin hợp lý, khớp đúng giữa thông tin Chi nhánh Đ báo cáo và hồ sơ chứng từ Chi nhánh Đ cung cấp qua hệ thống phần mềm và mail nội bộ.

- Quy trình phê duyệt được thực hiện đúng theo quy định của N2, việc phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu là các rủi ro trong kinh doanh nên NCB không thể đẩy trách nhiệm về phía người phê duyệt.

- Trong suốt quá trình kiểm tra, thẩm tra hồ sơ để làm căn cứ xử lý kỷ luật, anh không thể tiếp cận hồ sơ, không được xem lại các hồ sơ liên quan để được giải thích, giải trình theo các ghi nhận sai phạm. Anh chỉ được thông báo qua các cuộc họp với nội dung chung chung và cuối cùng là cuộc họp xử lý kỷ luật lao động.

- Trong quá trình hợp kỷ luật có nhắc đến việc xảy ra thiệt hại của N2 căn cứ theo giá trị định giá tài sản thế chấp cho các khoản vay của Phòng thẩm định tài sản.

- Ngoài ra việc quyết định sa thải như trên làm anh không thể xin việc được tại các Ngân hàng khác, làm cản trở cơ hội việc làm/nghề nghiệp của anh. Như vậy là dựa vào các quy chụp vô căn cứ áp bức người lao động đến đường cùng.

Nay anh yêu cầu:

- Buộc Ngân hàng TMCP Q1 thu hồi quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/07/2023 và ra quyết định nghỉ việc thông thường cho anh. Quyết định nghỉ việc thông thường được công bố rộng rãi trên trang thông tin nội bộ Ngân hàng, trên trang facebook của Ngân hàng.

- Buộc Ngân hàng TMCP Q1 chi trả lương từ ngày có quyết định sa thải đến khi có quyết định nghỉ việc thông thường mới. Mức lương chi trả bằng mức lương bình quân thu nhập thực tế chi trả trong quá trình làm Ngân hàng tính trong 02 năm gần nhất. Trung bình 02 năm gần nhất lương của anh nhận bình quân là 182 triệu đồng (tháng 26 ngày làm việc) tương đương với 7.000.000 đồng/ngày (bao gồm tất cả các nguồn thu nhập từ Ngân hàng: Lương/hoa hồng bảo hiểm nhân thọ thường yêu cầu Ngân hàng trích từ tài khoản trả lương để nắm chi tiết (tài khoản nhận lương – người lao động không sao kê được tài khoản này) và tài khoản tiền gửi thanh toán (nhận hoa hồng bảo hiểm). Tính từ ngày có hiệu lực của quyết định sa thải đến ngày ra quyết định nghỉ việc thông thường. Tam tính từ ngày hiệu lực của quyết định sa thải đến nay nộp đơn là 44 ngày tương ứng với 308 triệu đồng.

- Buộc Ngân hàng TMCP Q1 chi trả trợ cấp thôi việc theo Điều 46 Bộ luật lao động năm 2019 mỗi năm làm việc tại Ngân hàng TMCP Q1 được hưởng 0.5 tháng lương. Ngày anh bắt đầu làm việc tại Ngân hàng TMCP Q1 là tháng 09/2017 đến tháng 04/2023 tương ứng với 05 năm 07 tháng. Theo quy định của Bộ Luật Lao Động được tính trong năm nếu năm số tháng lẻ của năm hơn 06 tháng. Như vậy là 6 năm, tương ứng mỗi năm là 03 tháng lương. Mức tính theo lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội trong 06 tháng gần nhất là 17 triệu đồng. Như vậy tổng cộng là 51 triệu đồng. Trường hợp thời gian mỗi 06 tháng được tính thêm 0.5 tháng lương tương ứng với 8,5 triệu đồng.

- Buộc Ngân hàng TMCP Q1 chi trả trợ cấp mất việc làm theo điều 47 Bộ luật lao động năm 2019, mỗi năm làm việc tương đương với 01 tháng lương. Ngày anh bắt đầu làm việc tại Ngân hàng TMCP Q1 là tháng 09/2017 đến tháng 04/2023 tương ứng với 05 năm 07 tháng. Theo quy định của Bộ Luật Lao Động được tính trong năm nếu năm số tháng lẻ của năm hơn 06 tháng. Như vậy là 06 năm, tương ứng mỗi năm 01 tháng lương là 06 tháng lương. Mức tính theo lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội trong 06 tháng gần nhất là 17 triệu đồng. Như vậy tổng cộng là 102 triệu đồng. Trường hợp thời gian xử lý vụ kiện kéo dài cứ thêm mỗi 06 tháng được tính thêm 01 tháng lương tương ứng với 17 triệu đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính đến thời điểm hiện tại là 461 triệu đồng.

** Bị đơn Ngân hàng TMCP Q1 do đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Căn cứ Quyết định kỷ luật lao động theo hình thức sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/4/2023 đối với ông Nguyễn Văn T (gọi tắt Quyết định 569), hành vi vi phạm của ông T là vi phạm mục 1.4 khoản 1 Điều 39 Nội quy lao động của N2 ban hành ngày 22/3/2022: “Có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và lợi ích của N2”. Căn cứ vào Biên bản họp xem xét xử lý vi phạm kỷ luật lao động đối với cán bộ nhân viên thuộc Chi nhánh Đ ngày 14/4/2023 (tại trang số 05 Biên bản) thì hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn Tường bao G 02 hành vi chính:

1. *Hành vi 01*: Thiếu trách nhiệm trong công tác phê duyệt đối với nhóm khách hàng đứng ra vay hộ, vay ké cho bà Hà Thị N1 dẫn đến phê duyệt cho khách hàng không đủ điều kiện về tài chính được vay nợ. Hành vi này của ông T đã gây tổn thất cho N2 số tiền 17 tỷ đồng. Trong đó: Nhóm Sông Xoài là 7.7 tỷ đồng; nhóm Phủ L1, Định Q là 10 tỷ đồng.

1.1. Diễn giải cụ thể:

1.1.1 Căn cứ Quyết định số 176/2022/QĐ-TGD ngày 30/3/2022 của N2 quy định về nhóm thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng có tài sản bảo đảm, cấp tín dụng không tài sản bảo đảm cho chuyên gia phê duyệt kiêm nhiệm thì ông T với chức vụ là Giám đốc vùng đồng bằng sông C, thẩm quyền phê duyệt tín dụng thuộc nhóm 12 (Theo QD.TD.057 do NCB ban hành lần đầu vào ngày 23/10/2020 thì giới hạn phê duyệt cấp tín dụng có tài sản bảo đảm của ông T là 05 tỷ đồng, bao gồm tổng cấp tín dụng cho 01 khách hàng và người có liên quan).

Căn cứ Quy trình phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân mã số QT.TD.015 do N2 ban hành lần thứ 02 vào ngày 11/10/2020 thì cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng có trách nhiệm:

- Xem xét, đánh giá, quyết định phê duyệt các khoản cấp tín dụng cho khách hàng thuộc thẩm quyền xét duyệt của mình để quyết định cấp tín dụng hoặc không cấp tín dụng trách nhiệm về quyết định đó.

- Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, các cấp có thẩm quyền phê duyệt phải chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc mình đã thực hiện, kể cả trách nhiệm bồi thường vật chất cho N2 về những thiệt hại do công tác phê duyệt của mình.

Căn cứ vào các Tờ trình và đề xuất cấp tín dụng đối với nhóm khách hàng đứng ra vay hộ, vay ké cho bà Hà Thị N1 thì các khoản vay được thẩm định không đúng. Cụ thể: Thẩm định khách hàng là chủ cơ sở kinh doanh mua bán nông sản với thời gian trên 12 năm trong khi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp lần đầu ngày 13/5/2022 (khách hàng Liêu A S); thẩm định nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh mua bán nông sản nhưng không có đầy đủ tài liệu chứng từ chứng minh làm cơ sở thẩm định khả năng tài chính trả nợ của khách hàng dẫn đến sau khi cho vay khách hàng không trả được nợ, thực hiện cấp tín dụng đối với khách hàng không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Những sai phạm này lặp lại tương tự đối với 12 khách hàng. Sự thiếu

trách nhiệm của ông T thể hiện rõ qua việc phê duyệt toàn bộ 12 khoản vay mà không có bất kỳ yêu cầu giải trình, giải thích nào về sự trùng hợp trong 12 hồ sơ (mục đích vay, nguồn trả nợ của khách hàng...).

Ngoài ra, thẩm quyền phê duyệt của ông T là 05 tỷ đồng, bao gồm tổng cấp tín dụng cho 01 khách hàng và người có liên quan. Tuy nhiên, ông T cố tình chia nhỏ giá trị các khoản vay để vẫn nằm trong thẩm quyền phê duyệt của ông T, không trình về cấp thẩm quyền phê duyệt cao hơn.

1.1.2 Hành vi của ông T đe dọa gây thiệt hại cho N2 số tiền 17 tỷ đồng (trong đó: N3 là 7.7 tỷ đồng; nhóm Phủ L1, Định Q là 10 tỷ đồng) do các khoản nợ này đã được xác định là nợ xấu Nhóm V (nợ có khả năng mất vốn) theo quy định của Ngân hàng N4 nên hành vi của ông T đã đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho NCB theo quy định tại mục 1.5 khoản 1 Điều 39 Nội quy lao động. Bên cạnh đó, do các khoản nợ trên là nợ xấu Nhóm V nên N2 phải trích lập Dự phòng rủi ro (đây cũng là thiệt hại vật chất cho N2), tính đến ngày 31/3/2023 số tiền trích lập dự phòng là 2.690.480.750 đồng; với số tiền này thiệt hại được xác định là nghiêm trọng theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Nội quy lao động. Theo nguyên tắc xử lý kỷ luật lao động (quy định tại khoản 4 Điều 33 Nội quy lao động) thì khi người lao động có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật lao động thì chỉ xử lý với hành vi nghiêm trọng nhất nên đối với hành vi nêu trên, N2 xác định ông Tường vi P quy định tại mục 1.4 khoản 1 Điều 39 Nội quy lao động.

1.1.3 Mặt khác, căn cứ vào kết quả kiểm tra của Thanh tra Ngân hàng N4 thì nhóm khách hàng đứng ra vay hộ, vay ké gồm 12 khách hàng (danh sách nhóm 12 khách hàng này được nêu tại Công văn số 856/ĐNA-TTGS ngày 17/7/2023 của Ngân hàng N4 Chi nhánh tỉnh Đ) được thuê mang tên vay hộ cho 01 cá nhân khác (bà Hà Thị N1) với mục đích đều vay mua bất động sản (thế chấp bằng chính quyền sử dụng đất đất đó). Nhóm khách hàng này thực hiện cung cấp các trích lục quyền sử dụng đất giả (trích lục giả thể hiện quyền sử dụng đất có đường đi, trong khi thực tế không có) để có thể thực hiện định giá tài sản bảo đảm; các công ty định giá độc lập và một số cá nhân tại N2 không thực hiện đầy đủ quy trình thẩm định, định giá tài sản, rà soát lại tài sản cần định giá; không thực hiện thẩm định được khả năng tài chính để trả nợ của khách hàng dẫn đến hậu quả các khoản nợ không trả được nợ, chưa có khả năng thu hồi, tài sản bảo đảm định giá lại đang chưa đủ để thu hồi cho khoản nợ, việc xử lý tài sản là khó thực hiện do quyền sử dụng đất không có đường đi. Kết quả nhận thấy có dấu hiệu tội phạm, cụ thể như sau:

+ Khách hàng cung cấp trích lục quyền sử dụng đất giả để Công ty định giá độc lập định giá làm căn cứ để N2 thực hiện thẩm định, xét duyệt và giải ngân số tiền cho vay (mua bất động sản đó) lớn hơn giá trị của tài sản bảo đảm khi định giá lại. Sau đó, khách hàng không thực hiện trả nợ theo hợp đồng tín dụng với mục đích chiếm đoạt tiền của N2 (hiện nay N2 không liên hệ được với các khách hàng này) là có dấu hiệu phạm tội có tổ chức để chiếm đoạt tài sản vi phạm tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

+ Một số cá nhân tại N2 thực hiện thẩm định, xét duyệt cho vay đối với khách hàng trong khi khách hàng không có khả năng tài chính để trả nợ là không đủ điều

kiện vay vốn theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N4 về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng dẫn đến hậu quả các khoản nợ không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng (đang phân nhóm nợ xấu, nợ có khả năng mất vốn), chưa có khả năng thu hồi, tài sản bảo đảm định giá lại đang chưa đủ để thu hồi cho khoản nợ, việc xử lý tài sản là khó thực hiện do quyền sử dụng đất không có đường đi là có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng được quy định tại tiết g điểm 1 khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự 2015.

1.1.4 Ngoài ra, N2 đã thực hiện tố cáo nhóm khách hàng có liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Ngân hàng N4 Chi nhánh tỉnh Đ cũng có văn bản gửi Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Đ chuyển hồ sơ có dấu hiệu vi phạm để điều tra liên quan đến 12 hồ sơ khách vay, toàn bộ các hồ sơ này đều liên quan đến trách nhiệm của ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào Công văn số 9087/VPCQCSĐT ngày 24/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc giải quyết nguồn tin về tội phạm thì một trong số các cá nhân vi phạm có liên quan đến nhóm khách hàng bị tố cáo có ông Nguyễn Văn T – Nguyên Giám đốc vùng đồng bằng sông C.

Như vậy, hành vi của ông T không chỉ đơn thuần vi phạm quy định nội bộ của N2 (dẫn đến bị xử lý kỷ luật sa thải) mà còn có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Điều này càng khẳng định việc N2 xử lý kỷ luật sa thải ông T là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

2. *Hành vi 02: Phê duyệt lựa chọn Công ty định giá độc lập sau khi đã có chứng thư định giá là sai quy trình quy định tại PL4/QĐ.TD.059 – Quy định lựa chọn và sử dụng dịch vụ thẩm định giá thuê ngoài để thẩm định tài sản đảm bảo tại N2 do Tổng giám đốc ký ban hành ngày 27/7/2021.*

2.1. *Diễn giải cụ thể: Khách hàng/Bên bảo đảm (Bên có tài sản bảo đảm) ký hợp đồng với Công ty S2 ngày 06/6/2022. Ngày 08/6/2022, Công ty S2 có chứng thư gửi N2. Đến ngày 09/6/2022, cán bộ tín dụng trình phiếu yêu cầu kiểm soát thẩm định lên hệ thống. Căn cứ nội dung email với nội dung “Đồng ý” của ông T vào lúc 09 giờ 08 phút ngày 17/6/2022, về việc đồng ý lựa chọn Công ty S2 làm Công ty định giá độc lập cho 05 khoản vay của Khách hàng/Bên bảo đảm tại Dự án Sông X. Điều này thể hiện việc ông T phê duyệt sử dụng dịch vụ sau thời điểm đã có chứng thư của đối tác nên xác định việc lựa chọn đối tác trước đó là không đúng quy định, có dấu hiệu không minh bạch khi thẩm định giá trị tài sản. Hành vi này trái với quy định tại PL04/QĐ.TD.059 (theo trình tự, thủ tục thì phải phê duyệt đối tác trước, sau đó mới tiến hành các thủ tục để định giá tài sản).*

Với vị trí là Giám đốc Chi nhánh T8 kiêm Giám đốc vùng đồng bằng sông C, hơn ai hết ông T phải là người nắm rõ các quy định trong Nội quy lao động và các quy trình quy định của N2 về việc phê duyệt cấp tín dụng (để tuân thủ và làm gương cho nhân viên). Tuy nhiên, ông T không tuân thủ các quy định nội bộ của N2, quá trình hợp xử lý kỷ luật lao động cũng như tại các buổi làm việc tại Tòa, ông T thừa nhận rằng ông T có ký phê duyệt cấp tín dụng đối với nhóm Khách hàng đứng ra vay hộ, vay ké cho bà Hà Thị N1, đồng thời ông T cũng thừa nhận việc ông phê duyệt Công ty Đ1 độc lập sau sau khi đã có chứng thư định giá.

Mặc dù, ông T đổ lỗi cho khối lượng công việc quá lớn, ông T phải quản lý 26 đơn vị kinh doanh nên không thể thẩm định hết các hồ sơ trước khi ký phê duyệt nhưng điều này càng thể hiện rõ sự thiếu trách nhiệm của ông T dẫn đến rủi ro và thiệt hại cho N2. Từ những phân tích trên, N2 tiến hành xử lý kỷ luật sa thải đối với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu N2 thu hồi quyết định sa thải, ra quyết định nghỉ việc thông thường, công bố công khai trên mail nội bộ và Facebook của Ngân hàng. Đồng thời, anh T yêu cầu N2 thanh toán tiền lương từ ngày sa thải đến ngày xét xử với số tiền là 110.000.000 đồng/tháng x 14 tháng = 1.540.000.000 đồng, chi trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 110.000.000 đồng/tháng x 03 tháng = 330.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương là 110.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 220.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.090.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn có ý kiến : Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, N2 không đồng ý, Quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/07/2023 của N2 là đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điểm a Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 40; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 117, 121, 122, khoản 4 Điều 124 và Điều 125 Bộ luật Lao động;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thu hồi Quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/4/2023, ra quyết định nghỉ việc thông thường, công bố công khai trên mail nội bộ và Facebook Ngân hàng, thanh toán tiền lương từ ngày sa thải đến ngày xét xử là 1.540.000.000 đồng, chi trả tiền trợ cấp thôi việc 03 tháng lương với số tiền là 330.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương với số tiền là 220.000.000 đồng, Tổng cộng là 2.090.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 15/7/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm.

- Ngày 07/8/2024, VKSND tỉnh Tiền Giang có kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ đề nghị TAND tỉnh Tiền Giang sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với các lý do:

+ Ngân hàng NCB chưa chứng minh được lỗi của ông T mà đã tiến hành xử lý kỷ luật là thực hiện chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 122 BLLĐ.

+ Vụ việc vi phạm của ông T cần đợi kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm nên Ngân hàng N2 không được xử lý kỷ luật lao động ông T theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 122 BLLĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là N2) thu hồi Quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/4/2023; ra quyết định nghỉ việc thông thường, công bố công khai trên mail nội bộ và Facebook Ngân hàng, thanh toán tiền lương từ ngày sa thải đến ngày xét xử là 1.540.000.000 đồng, chi trả tiền trợ cấp thôi việc 03 tháng lương với số tiền là 330.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương với số tiền là 220.000.000 đồng, Tổng cộng là 2.090.000.000 đồng.

- Người kháng cáo anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh.

- Đại diện VKSND giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ ngày 07/8/2024 của VKSND tỉnh Tiền Giang và bổ sung việc tính án phí đối với yêu cầu khởi kiện của anh T là chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH. Đề nghị TAND tỉnh Tiền Giang sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và phần án phí.

- Tại phiên tòa anh T đồng ý rút các khoản yêu cầu bồi thường bằng tiền, chỉ yêu cầu Ngân hàng N2 thu hồi quyết định sa thải, ra quyết định nghỉ việc thông thường và công khai trên mail nội bộ, facebook ngân hàng nhưng N2 không chấp nhận. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp pháp luật. Anh Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ ngày 07/8/2024 của VKSND tỉnh Tiền Giang. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, sửa Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thu hồi Quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/4/2023, ra quyết định nghỉ việc thông thường, công bố công khai trên mail nội bộ và Facebook Ngân hàng, thanh toán tiền lương từ ngày sa thải đến ngày xét xử là 1.540.000.000 đồng, chi trả tiền trợ cấp thôi việc 03 tháng lương với số tiền là 330.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương với số tiền là 220.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.090.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải” là có căn cứ đúng qui định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại số H ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T và Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ ngày 07/8/2024 của VKSND tỉnh Tiền Giang là đúng qui định tại các Điều 272, 273, 280, 281 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T và Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ ngày 07/8/2024 của VKSND tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa VKSND tỉnh Tiền Giang bổ sung nội dung kháng nghị về phần án phí là nằm trong phạm vi xem xét nên được chấp nhận.

[4.1] Những vấn đề hai bên thống nhất:

- Về quan hệ lao động: Anh T đang làm việc tại N2 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 1.2017.A04968/2019/HĐLĐ-NCB ngày 06/09/2019.

- Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của anh T khi xảy ra vi phạm:

- + Từ tháng 08/2020 đến tháng 03/2022: Anh T là Giám đốc Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh T8 kiêm Giám đốc Vùng Đồng bằng sông C1 (gồm 12 tỉnh thành).

- + Từ tháng 03/2022 đến tháng 07/2022: Anh T là Giám đốc Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh T8 kiêm Giám đốc vùng Đồng bằng sông C- T.

- + Từ tháng 07/2022 đến tháng 04/2023: Anh T là Giám đốc Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh T8.

- Đối với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc khách hàng cá nhân Vùng Đồng bằng sông C1-T được quy định như sau:

+ Căn cứ điểm 7.4 Điều 7 Quy trình phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân mã số QT.TD.015 do N2 ban hành lần thứ 02 vào ngày 11/10/2020 (Bút lục 270-271) thì cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng có trách nhiệm:

“a) Xem xét, đánh giá, quyết định phê duyệt các khoản cấp tín dụng cho khách hàng thuộc thẩm quyền xét duyệt của mình để quyết định cấp tín dụng hoặc không cấp tín dụng và **chịu trách nhiệm về quyết định** đó.

c) Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, các cấp có thẩm quyền phê duyệt phải chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc mình đã thực hiện, kể cả trách nhiệm bồi thường vật chất cho N2 về những thiệt hại do công tác phê duyệt của mình”.

+ Khi có rủi ro xảy ra thì được xem xét miễn trừ trách nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 7.5 Điều 7 phụ lục (bl 270) là đã thực hiện đầy đủ yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Về nội quy lao động: Nội quy lao động đã được N2 đăng ký tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố H theo quy định tại Điều 119 và Điều 121 Bộ luật Lao động nên có hiệu lực và là căn cứ để xem xét xử lý kỷ luật lao động.

- Theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Nội quy lao động của ngân hàng N2 thì thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích có giá trị từ trên 10 tháng lương đến 20 tháng lương tối thiểu. Lương tối thiểu vùng của Ngân hàng N2 áp dụng thời điểm xử lý kỷ luật anh T là 4.160.000 đồng (theo nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ). Như vậy thiệt hại nghiêm trọng có giá trị từ 41.600.000 đồng đến 83.200.000 đồng; Theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Nội quy lao động của ngân hàng N2 thì thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản và lợi ích có giá trị từ trên 20 tháng lương tối thiểu. Như vậy giá trị thiệt hại hoặc đe dọa bị thiệt hại có giá trị trên 83.200.000 đồng là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[4.2] Quá trình phát hiện và xử lý vi phạm:

- Anh T bị quy trách nhiệm trong việc quyết định phê duyệt cấp tín dụng cho 12 trường hợp vay không đủ điều kiện dẫn đến đe dọa gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho N2 có khả năng không thể thu hồi đầy đủ nợ và lãi. Cụ thể 12 khách hàng trên gồm Liêu A S, Trần Biên C, Nguyễn Thị Xuân T2, Phan Thị Minh K, Nguyễn Thị Thanh T3, Vy M, Đào Văn H2, Vũ Minh T4, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Ngọc Khải A, Nguyễn Thị D và Trần Thị O.

- Sau khi giải ngân thì các khách hàng này không thực hiện việc đóng lãi ngay kỳ đầu tiên nên Ngân hàng N2 đã cho tiến hành kiểm tra hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ.

- Ngày 30/9/2022 Ngân hàng N2 cho tiến hành trích lục sơ đồ trực tiếp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P các thửa đất là tài sản bảo đảm thế chấp cho ngân hàng để vay tiền và xác minh trực tiếp vị trí các thửa đất của 05 khách hàng Liêu A S1, Trần Biên C, Vũ Minh T4, Trần Thị O và Vi Mộc D1 (nằm trong nhóm 12 khách hàng nêu trên) phát hiện các thửa đất thế chấp vay tiền của 05 khách hàng này không tiếp giáp với đường đi như trong hồ sơ vay là có tiếp giáp đường đi. Ngân hàng N2 đã tiến hành cho Phòng thẩm định giá nội bộ NCB

định giá lại các tài sản thế chấp là QSDĐ các thửa đất nói trên (theo vị trí thực tế không có tiếp giáp lối đi) phát hiện có sự chênh lệch giảm giá lớn cụ thể là, tổng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay của 05 khách hàng trên là 33.450.518.000 đồng, giá trị định giá lại theo sơ đồ thể hiện thửa đất không có tiếp giáp đường đi chỉ còn 13,823.000.000 đồng, trong khi đó tổng số tiền cho vay đến 19,5 tỷ đồng.

- Ngày 05/11/2022: Đoàn kiểm toán nội bộ của N2 đã tiến hành kiểm toán hoạt động tín dụng tại Phòng khách hàng cá nhân – Chi nhánh Đ và phát hiện các vi phạm theo Biên bản kiểm toán số 26/2022/BB-B.KTNB.

- Ngày 14/12/2022, Đại diện N2 là bà Nguyễn Thị Mai P1 (chức vụ Trưởng phòng an ninh nội bộ N2) và ông Huỳnh Tấn T6 (chức vụ giám đốc kiểm toán cấp 1 của N2) đã làm việc trực tiếp với anh T liên quan đến các sai phạm.

- Ngày 08/4/2023, N2 đã gửi thư tham dự phiên họp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức gửi mail nội bộ đến các cá nhân có liên quan đến các sai phạm N2 - Chi nhánh Đ, trong đó có anh Nguyễn Văn T.

- Ngày 14/4/2023, Hội đồng xử lý kỷ luật của N2 đã mở phiên họp xem xét xử lý vi phạm kỷ luật lao động đối với các cán bộ nhân viên thuộc Chi nhánh Đ theo hình thức họp trực tuyến có đầy đủ các thành phần theo quy định pháp luật, anh T có mặt tham dự và có ký tên.

- Ngày 14/4/2023, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q1 đã ban hành Quyết định số 569/2023/QĐ-CTHĐQT về việc thi hành kỷ luật lao động đối với anh Nguyễn Văn T bằng hình thức sa thải. Quyết định có hiệu lực từ ngày 14/4/2023 và đã được gửi cho anh T.

[4.3] Hành vi vi phạm:

- Anh T bị quy trách nhiệm trong việc quyết định phê duyệt cấp tín dụng cho 12 trường hợp vay không đủ điều kiện dẫn đến đe dọa gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho N2 có khả năng không thể thu hồi đầy đủ nợ và lãi. Tổng số tiền N2 đã giải ngân cho 12 khách hàng cá nhân tại Đồng Nai là 50.230.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bảo đảm do Công ty định giá vào thời điểm cho vay (do anh T phê duyệt) là 82.145.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bảo đảm được Phòng thẩm định giá nội bộ NCB thẩm định lại là 43.092.000.000 đồng. Chênh lệch với số tiền giải ngân cho vay là 7.138.000.000 đồng. Do đó giá trị tài sản bảo đảm ít hơn so với số tiền N2 đã giải ngân (không bao gồm lãi) là 7.138.000.000 đồng là số tiền đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho N2. Những vi phạm trong phê duyệt cấp tín dụng cho 12 khách hàng của anh T cụ thể là:

+ Nguyên nhân chênh lệch giá trong định giá tài sản bảo đảm: Trong số 12 hồ sơ vay nói trên có 05 khách hàng là Liêu A S, Trần Biên C, Vũ Minh T4, Trần Thị O và Vy Mộc D2 có giấy chứng nhận QSDĐ (là tài sản thế chấp bảo đảm thu hồi nợ) trong giấy có ghi chú rõ thửa đất thế chấp không tiếp giáp với đường đi hiện hữu nhưng trích lục bản đồ địa chính do khách hàng cung cấp lại thể hiện có tiếp giáp đường đi 6m là mâu thuẫn với ghi chú trong giấy đất. Trích lục sơ đồ đất do khách hàng cung cấp giống hệt với sơ đồ in trong giấy chứng nhận QSDĐ cũng thể hiện không có tiếp giáp đường đi, chỉ khác là cạnh hướng đông có ghi thêm 04 chữ “đường đất 6m” nhưng không hề có thể hiện hình vẽ đường đi trong sơ đồ.

Ngoài ra toàn bộ 05 thửa đất đem thế chấp cho NCB nói trên đều cùng của một chủ sử dụng là Nguyễn Thành V chuyển nhượng cho 05 người này và cả 05 người này cùng thế chấp vay tiền của ngân hàng N2 cùng một thời điểm vào tháng 6/2022. Những điểm bất thường này chỉ cần nhìn đã thấy rõ nhưng anh T không kiểm tra và yêu cầu cán bộ dưới quyền làm rõ theo quy định của ngân hàng N2 để loại trừ trách nhiệm cho mình khi có rủi ro xảy ra, dẫn đến phê duyệt cho vay vượt quá giá trị tài sản bảo đảm làm mất khả năng thu hồi nợ ngay từ đầu các khách hàng này đã không trả vốn và lãi. Tính đến thời điểm xét kỷ luật anh T, chỉ riêng 05 trường hợp nay số tiền vốn và lãi không thu hồi được của N2 là 2,418,805,056 đồng. Đặc biệt đối với hồ sơ vay của khách hàng Trần Thị O thể hiện trên email ông T nhận được hồ sơ và tờ trình lúc 16:25 ngày 21/6/2022; ông T phê duyệt "đồng ý" lúc 16:26 ngày 21/6/2022 nghĩa là việc phê duyệt chỉ diễn ra trong thời gian 01 phút. Tại phiên tòa anh T cho rằng phải phụ trách 26 đơn vị, công việc rất nhiều mà chỉ được bố trí 01 trợ lý nên cũng có lúc sơ sót. Lý do này không phải là trường hợp được loại trừ trách nhiệm khi bị rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 7.5 Điều 7 phụ lục QT.TD.015 (bl 270) của N2.

+ Thẩm định khách hàng là chủ cơ sở kinh doanh mua bán nông sản với thời gian kinh doanh trên 12 năm, trong khi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp lần đầu lại vào ngày 13/5/2022 (khách hàng Liêu A S); thẩm định nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh mua bán nông sản nhưng các chứng từ ghi nhận doanh thu do khách hàng tự kê chưa đầy đủ nội dung thông tin về biểu mẫu theo quy định tại thông tư 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ T9 về chế độ kế toán của hộ kinh doanh là không có đầy đủ tài liệu chứng từ chứng minh làm cơ sở thẩm định khả năng tài chính trả nợ của khách hàng dẫn đến sau khi cho vay khách hàng không trả được nợ là thực hiện cấp tín dụng đối với khách hàng không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Những sai phạm này lặp lại tương tự đối với 12 khách hàng. Sự thiếu trách nhiệm của ông T thể hiện rõ qua việc phê duyệt toàn bộ 12 khoản vay mà không có bất kỳ yêu cầu giải trình, giải thích nào về sự trùng hợp trong 12 hồ sơ (về mục đích vay, nguồn trả nợ của khách hàng...).

+ Phê duyệt lựa chọn Công ty định giá độc lập sau khi đã có chứng thư định giá là sai quy trình quy định tại PL4/QĐ.TD.059 – Quy định lựa chọn và sử dụng dịch vụ thẩm định giá thuê ngoài để thẩm định tài sản đảm bảo tại N2 do Tổng giám đốc ký ban hành ngày 27/7/2021, cụ thể: Khách hàng (Bên có tài sản bảo đảm) ký hợp đồng với Công ty S2 ngày 06/6/2022. Đến ngày 08/6/2022, Công ty S2 có chứng thư gửi N2. Đến ngày 09/6/2022, cán bộ tín dụng trình phiếu yêu cầu kiểm soát thẩm định lên hệ thống. Căn cứ nội dung email với nội dung “Đồng ý” của ông T vào lúc 09 giờ 08 phút ngày 17/6/2022, về việc đồng ý lựa chọn Công ty S2 làm Công ty định giá độc lập cho 05 khoản vay của 05 khách hàng Liêu A S, Trần Biên C, Vũ Minh T4, Trần Thị O và Vy Mộc D2. Điều này thể hiện việc ông T phê duyệt sử dụng dịch vụ sau thời điểm đã có chứng thư của đối tác nên xác định việc lựa chọn đối tác trước đó là không đúng quy định, có dấu hiệu không minh bạch khi thẩm định giá trị tài sản. Hành vi này trái với quy định tại

PL04/QĐ.TD.059 (theo trình tự, thủ tục thì phải phê duyệt đối tác trước, sau đó mới tiến hành các thủ tục để định giá tài sản).

+ Thẩm quyền phê duyệt của ông T là 05 tỷ đồng, bao gồm tổng cấp tín dụng cho 01 khách hàng và người có liên quan. Tuy nhiên, ông T cố tình chia nhỏ giá trị các khoản vay để vẫn nằm trong thẩm quyền phê duyệt của ông T, không trình về cấp thẩm quyền phê duyệt cao hơn. Theo hồ sơ khách hàng Nguyễn Minh T7 là con rể bà Văn Thị Thu H3 chồng của Trần Thị Kim U (con bà H3). Chị U chung hộ khẩu bà H3 hồ sơ vay có sổ hộ khẩu có giấy tờ chứng minh quan hệ vợ chồng chị U và ông T7 lẽ ra bà H3, ông T7 chỉ được vay không quá 05 tỷ nhưng cả hai được vay 10 tỷ.

* Từ các quy định về trách nhiệm của N2 và các sai phạm của anh T như trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh T đã thiếu trách nhiệm trong quyết định phê duyệt cấp hay không cấp tín dụng gây ra hậu quả là đe dọa gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng gấp rất nhiều lần mức khởi điểm quy định trong nội quy của N2. Rủi ro của 12 trường hợp này gây ra cho NCB không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm theo quy định của N2 vì ông T không có bất kỳ động thái nào yêu cầu cấp dưới kiểm tra làm rõ các bất thường trong hồ sơ vay của khách hàng để miễn trừ trách nhiệm cho mình theo quy định như đã nêu trên. Việc xử lý kỷ luật của N2 là phù hợp quy định pháp luật lao động và nội quy lao động của N2 nên kháng cáo của anh T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4.4] Đối với kháng nghị của VKSND tỉnh Tiền Giang, nhận thấy:

- Sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ đóng lãi theo hợp đồng, N2 đã có động thái kiểm tra hồ sơ, phát hiện các trích lục sơ đồ do 05 khách hàng Liêu A S, Trần Biên C, Vũ Minh T4, Trần Thị O và Vy Mộc D2 cung cấp có khả năng là giả nên ngày 30/9/2022 đã tiến hành trích lục sơ đồ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P và xác minh trực tiếp tại vị trí các thửa đất của 05 khách hàng nói trên phát hiện các thửa đất thế chấp vay tiền của 05 khách hàng này không tiếp giáp đường đi như trong hồ sơ vay có tiếp giáp đường đi. Ngân hàng N2 đã tiến hành cho Phòng thẩm định giá nội bộ NCB định giá lại các tài sản thế chấp là QSDĐ các thửa đất nói trên phát hiện có sự chênh lệch giảm giá lớn cụ thể là tổng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay của 05 khách hàng trên là 33.450.518.000 đồng, giá trị định giá lại theo sơ đồ thể hiện thửa đất không có tiếp giáp đường đi chỉ còn 13,823.000.000 đồng trong khi đó số tiền cho vay đến 19,5 tỷ đồng. Ngoài ra kiểm tra hồ sơ còn phát hiện các sai sót khác như đã nêu trên. Do đó những thiếu sót sai phạm của anh T là rõ ràng đã có xác minh làm rõ. Bản thân anh T tại phiên tòa cũng đồng ý nghỉ việc theo thủ tục thông thường mà không yêu cầu bồi thường các khoản tiền nào cũng thể hiện anh nhận thức được hành vi vi phạm của mình nên việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị cho rằng NCB chưa chứng minh được lỗi của anh T là không có căn cứ.

- Sau khi xử lý kỷ luật xong. Đến tháng 7/2023 Ngân hàng N4 tiến hành thanh tra định kỳ tại Ngân hàng N2 chi nhánh Đ phát hiện vụ việc 05 khách hàng Liêu A S, Trần Biên C, Vũ Minh T4, Trần Thị O và Vy Mộc D2 cung cấp trích lục sơ đồ giả là có dấu hiệu phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên có công văn chuyển cơ quan điều tra làm rõ theo công văn số 856 ngày 17/7/2023 của Ngân hàng N4 chi nhánh Đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nội quy của N2 quy

định “ngoài việc bị áp dụng xử lý kỷ luật còn phải bồi thường toàn bộ về vật chất. N2 sẽ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật có thẩm quyền đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định”. Như vậy việc xử lý kỷ luật là một giai đoạn độc lập. Tại thời điểm xử lý anh T, N2 không có yêu cầu bất kỳ cơ quan, tổ chức nào cung cấp thêm kết quả điều tra hay xác minh thêm vấn đề nào khác. Việc chuyển cơ quan điều tra là do thanh tra Ngân hàng N4 thực hiện đối với nhóm khách hàng có dấu hiệu lừa đảo và thực hiện sau khi đã tiến hành xử lý kỷ luật anh T xong nên việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng sự việc anh T cần đợi kết quả xử lý của cơ quan điều tra nên N2 không được xử lý kỷ luật anh T theo quy định tại điểm c khoản 4 điều 122 BLLĐ là không chính xác.

- Về kháng nghị yêu cầu sửa phần án phí là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ các căn cứ trên cho thấy cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của anh T là có căn cứ. Kháng cáo của anh T là không có cơ sở nên không chấp nhận. Kháng nghị của VKS chỉ có căn cứ một phần về án phí nên chấp nhận sửa phần này.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T được miễn án phí sơ, phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; a Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 40; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 117, 121, 122, khoản 4 Điều 124 và Điều 125 Bộ luật lao động;

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 18/QĐ-VKS-LĐ ngày 07/8/2024 của VKSND tỉnh Tiền Giang. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thu hồi Quyết định sa thải số 569/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 14/4/2023, ra quyết định nghỉ việc thông thường, công bố công khai trên mail nội bộ và Facebook Ngân hàng, thanh toán tiền lương từ ngày sa thải đến ngày xét xử là 1.540.000.000 đồng, chi trả tiền trợ cấp thôi việc 03 tháng lương với số tiền là 330.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương với số tiền là 220.000.000 đồng, Tổng cộng là 2.090.000.000 đồng.

3. Về án phí: anh T được miễn nộp án phí sơ, phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 26/12/2024 có mặt anh Nguyễn Văn T và đại diện Ngân hàng TMCP Q1.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân

